TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CT** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2021/DS-ST
Ngày: 08/7/2021
V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Anh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Tạ Công Minh**

2. Ông **Nguyễn Đức Duy**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Phục** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **183**/2021/TLST-DS ngày 26/4/2021 về việc tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số **117**/2021/QĐXXST-DS ngày 07/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Thị Cẩm T**, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp BH A, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: **Lê Khánh D**, sinh năm 1995. Địa chỉ: 12/7A LTK, phường 6, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. **Lê Thị D1 (tên gọi khác là D1)**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp BH A, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2.2. **Võ Thanh T**, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp BH A, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T và đại diện theo ủy quyền anh Lê Khánh D cùng có ý kiến trình bày:*

Chị T có tham gia 02 dây hụi do chị D1(tên gọi khác là D1) làm chủ, cụ thể:

- Dây hụi thứ 1: Hụi 1.000.000đ/tháng, khui ngày 05/11/2019 âm lịch, có 22 phần với 15 hụi viên. Chị T tham gia 01 phần và đã đóng được 13 kỳ.

- Dây hụi thứ 2: Hụi 1.000.000đ/tháng, khui ngày 10/11/2019 âm lịch, có 24 phần với 18 hụi viên. Chị T tham gia 01 phần và đã đóng được 12 kỳ.

Thống nhất với lời trình bày của chị D1về số tiền chị T đã đóng hụi chết, các dây hụi trên đã bể tháng 10/2020 âm lịch (tức tháng 12/2020). Nay chị T yêu cầu bị đơn Lê Thị D1 và Võ Thanh T trả số tiền hụi là 25.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Lê Thị D1 có ý kiến trình bày:*

Chị có làm chủ hụi, trong đó chị T có tham gia các dây hụi như chị T trình bày là đúng. Chị thống nhất với lời khai của chị T về giá trị hụi, ngày khui, số người tham gia, số lần đóng, cụ thể số tiền hụi vốn chị T đã đóng như sau:

- Dây thứ 1: Chị T đã đóng được 13 lần với số tiền là 6.680.000 đồng.

- Dây thứ 2: Chị T đã đóng được 12 lần với số tiền là 5.950.000 đồng.

Tổng cộng chị T đã đóng số tiền hụi vốn là 12.630.000 đồng. Mục đích chị làm đầu thảo hụi là để sử dụng vào việc chăm lo sinh hoạt kinh tế trong gia đình. Việc chơi hụi này chồng chị cũng biết, các dây hụi trên đã bể vào tháng 10/2020 âm lịch (tức tháng 12/2020). Nay chị xin trả dần số tiền hụi vốn mỗi tháng 500.000 đồng.

** Bị đơn anh Võ Thanh T đã được Tòa án tống đạt đạt Thông báo thụ lý, bản sao đơn kiện và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm*

tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Thanh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về nội dung:

Theo khai nhận của các đương sự đủ cơ sở xác định chị Lê Thị D1 có đứng ra tổ chức và làm đầu thảo nhiều dây hụi, là loại hụi có lãi và hưởng huê hồng. Chị Lê Thị Cẩm T có tham gia 02 dây hụi do chị D1làm chủ, cụ thể:

- Dây hụi thứ 1: Hụi 1.000.000đ/tháng, khui ngày 05/11/2019 âm lịch, có 22 phần. Chị T tham gia 01 phần, đã đóng được 13 kỳ với số tiền là 6.680.000 đồng

- Dây hụi thứ 2: Hụi 1.000.000đ/tháng, khui ngày 10/11/2019 âm lịch, có 24 phần có 18 hụi viên. Chị T tham gia 01 phần, đã đóng được 12 kỳ với số tiền là 5.950.000 đồng.

Xét thấy, dây hụi trên đều có mức lãi cao hơn mức lãi 20%/năm theo qui định về mức lãi hụi tại Điều 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Ngoài ra, cả 2 dây hụi trên đều đã bể vào tháng 12/2020. Do đó, chủ hụi phải có nghĩa vụ trả lại cho hụi viên số tiền vốn hụi đã đóng và phải chịu lãi 20%/năm tính từ ngày bể hụi đến nay.

Về nghĩa vụ đối với hụi viên, tuy chỉ có căn cứ xác định chị D1làm chủ hụi, nhưng chị D1xác định việc tổ chức chơi hụi là nhằm mục đích tìm thu nhập chung cho vợ chồng. Anh T đã được tống đạt Thông báo Thụ lý vụ án, bản sao đơn khởi kiện và các chứng cứ của nguyên đơn nhưng vẫn không có ý kiến phản đối. Vì vậy, cần buộc chị D1và anh T phải có nghĩa vụ liên đới trong việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền hụi.

Từ phân tích trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Cẩm T, buộc bị đơn chị Lê Thị D1 và anh Võ Thanh T liên đới trả cho chị T 12.630.000 đồng đồng tiền hụi vốn, và 7 tháng tiền lãi với mức lãi 20%/năm là 1.473.500 đồng. Tổng số tiền phải trả là 14.103.500 đồng.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu 5% trên số tiền yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 544.825 đồng. Chị Diên, anh Tuấn phải liên đới chịu 5% trên nghĩa vụ trả tiền là 705.175 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 15,16, 21 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Căn cứ các Điều 12, 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc chị Lê Thị D1 và anh Võ Thanh T liên đới trả cho chị Lê Thị Cẩm T 14.103.500 đồng, thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Diên, anh Tuấn phải liên đới chịu 705.175 đồng.

Chị T phải chịu 544.825 đồng án phí, được trừ vào 625.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004252 ngày 20/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên hoàn lại chị T 80.175 đồng.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Riêng những ngường vắng mặt hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Bùi Anh Tuấn